

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG Đ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01-7-2022
V/v: *Xin ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG Đ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc C

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Công K;
2. Bà Phan Thị Phương M.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Đ, Tòa án nhân dân huyện Quảng Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-HNGĐ, ngày 23/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn Hà Đồ Phước Lập, xã Quảng Phước, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn Hà Đồ Phước Lập, xã Quảng Phước, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29 tháng 9 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày như sau: Giữa chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Phước, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 02 tháng 9 năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một

thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân gần 01 năm nay. Nay chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Văn Anh D, sinh ngày 02/01/2016. Nếu ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu D cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 30/3/2021 và tại các biên bản hòa giải, chị L trình bày chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 3 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Giữa anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn lại Ủy ban nhân dân xã Quảng Phước, huyện Quảng Đ vào năm 2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Nay chị L xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Anh thuận tình ly hôn với chị L

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Văn Anh D, sinh ngày 02/01/2016. Nếu ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu D cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T yêu cầu chị L phải chuyển nhượng quyền sử dụng cho anh thì anh sẽ trả nợ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Đ đã thông báo cho anh T nếu yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì anh phải có đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên, anh T đã từ chối quyền khởi kiện của mình.

Tòa án nhân dân huyện Quảng Đ đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau nhưng không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, không rút yêu cầu khởi kiện hay thay đổi bổ sung gì. Tuy nhiên, về phần cấp dưỡng nuôi con chị có thay đổi so với quá trình giải quyết vụ án, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời chị L cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có đơn trình bày đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim L. Về con chung anh vẫn giữ nguyên ý kiến xin được nuôi con

và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời anh T cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Đ tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của 2 đương sự, giao cháu Nguyễn Văn Anh D, sinh ngày 02/01/2016 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L có đơn xin ly hôn bị đơn là anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại: Thôn Hà Đồ Phước Lập, xã Quảng Phước, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế nên tranh chấp trên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Phước, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 02 tháng 9 năm 2015, điều kiện và thủ tục kết hôn đúng quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị L và yêu cầu đồng ý thuận tình ly hôn của anh T thì thấy rằng vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi vã nhau. Chị L

xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T và anh T cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L

[3]. Về con chung: Xét thấy, chị L và anh T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Văn Anh D, sinh ngày 02/01/2016 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là đúng pháp luật theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Anh D, sinh ngày 02/01/2016 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 147 BLTTDS 2015. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0000296 ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Đ, chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND huyện Quảng Đ;
- Chi cục THADS huyện Quảng Đ;
- UBND xã Quảng Phước, huyện Quảng Đ (ĐKKH số 59/2015 ngày 23/9/2015)
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quốc C